TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HSST
Ngày 10 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Nguyễn Phước Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Nguyễn Lê Bảo Trúc**

Ông **Chau Khiêng Sóc**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông **Ngô Hoài Nam**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện VKSND huyện Tri Tôn : Ông **Lộ Văn Linh Linh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10-7-2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Phạm Thị H, sinh năm 1978; sinh quán: huyện K, tỉnh Kiên Giang; trú quán: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1948 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1951; chồng: Hồ Văn C (đã chết). Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17-3-2017 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Võ Quang T2, Luật sư Văn phòng luật sư Võ Quang T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Phan Thanh S, Luật sư Văn phòng luật sư Võ Quang T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Bị hại: chị Trần Ngọc T3, sinh năm 1982 (có mặt)

Cư trú: khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1972 (có mặt)

Cư trú: khóm A1, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 ngày 17/3/2017, Phạm Thị H mang theo 7.117.000 đồng đến tiệm uốn tóc Ngọc T3 (thuộc khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang) của chị Trần Ngọc T3 để làm tóc; tại tiệm uốn tóc, H thấy tiền đựng trong túi nylon màu trắng để trên bàn trang điểm nên nảy sinh ý định trộm. Lợi dụng lúc mọi người sơ hở, H lén lấy trộm túi tiền rồi bỏ đi mua thuốc tây, cất giấu tiền vào người và quay lại tiệm uốn tóc.

Một lúc sau, chị T3 phát hiện số tiền bị mất, nghi H lấy trộm nên trình báo công an, Công an thị trấn B làm việc và thu giữ 37.117.000 đồng trên người của H và qua làm việc, H đã khai nhận hành vi lấy trộm túi tiền của chị T3.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ: 57.117.000 đồng (đã nộp tại Kho bạc huyện T); 01 điện thoại di động hiệu Bavapen Model B404; 01 tờ tiền Vương quốc Campuchia mệnh giá 1.000 Ria; 02 tờ vé số đài An giang số 555237 ngày 16/3/2017 (đã có kết quả không trúng); 01 tờ vé số đài Long An số 406342 ngày 10/9/2016 (đã có kết quả không trúng); 01 bóp da màu trắng, viền màu hồng, xanh, dây khóa bóp bị hư, gài bằng kim tây; 07 sợi dây thun màu vàng; 01 chìa khóa bằng inox màu trắng.

Tại Cáo trạng số 11/VKS-HS ngày 24/5/2017 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, tuy ban đầu bị cáo không thừa nhận thực hiện hành vi lấy trộm 30.000.000 đồng của chị Trần Ngọc T3 và cho rằng số tiền 37.117.000 đồng là số tiền của bị cáo mang theo định gửi cho em ruột mua lúa giống nhưng sau đó bị cáo đã khai nhận thực hiện hành vi như sau: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17-3-2017, bị cáo đến uốn tóc tại tiệm uốn tóc của chị T3 thuộc khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Tại đây, lợi dụng việc chị T3 sơ hở trong quản lý tài sản (túi tiền), bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 30.000.000 đồng của chị T3 để trong túi nylon màu trắng đặt tại bàn cắt tóc. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhìn nhận hành vi của bị cáo là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, lao động nuôi các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị H với tội danh "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm thị Huệ từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị hại, chị Trần Ngọc T3 khai: vào khoảng 07 giờ 30 ngày 17-3-2017, chị T4 có đến và đưa chị 01 cọc tiền và nhờ chị gửi cho chị T5 để chị T5 gửi lại cho chị P kèm lời nhắn "lấy đỡ 30.000.000 đồng, số tiền còn lại ngày mai T4 gom đủ rồi đưa hết"; chị nhận tiền nhưng không đếm lại mà lấy túi nylon bỏ vào. Khoảng 10 phút sau, chị T5 đến nên chị có đưa chị T5 số tiền trên và chị T5 có kiểm đếm lại đủ 30.000.000 đồng và giữ lấy, tuy nhiên khoảng 09 giờ 20 phút, khi chị đi chợ và về đến trước cửa nhà thì gặp chị T5 quay lại và gửi lại chị số tiền trên để chị gửi cho chị P do chị T5 phải đi công việc riêng nên chị đồng ý nhận giữ giùm nhưng không đếm lại. Chị vào nhà và đến nơi T6, V1 đang ngồi và đặt túi tiền trên bàn cắt tóc, trêu T6, V1 là sẽ cho số tiền này để làm đám cưới.

Đến 10 giờ 30 phút có người khách nữ đến cắt tóc nên V1 ra về, lúc này túi tiền để trên bàn trước mặt người khách nữ và chị dùng điện thoại để lên trên túi tiền. Khi chị đang cắt tóc thì có khách đến trả đồ cưới nên chị có nói chuyện với người này và do người này có yêu cầu nên chị gội đầu cho chị ấy. Khi gội đầu cho khách xong và quay trở lại bàn cắt tóc thì chị không còn thấy túi tiền nên có hỏi chị T6 về túi tiền, người khách nữ cắt tóc và được biết người khách nữ hỏi tiệm thuốc để mua thuốc đau bụng; chị đợi khoảng 15 phút thì người khách nữ quay lại nên chị có hỏi xin lại túi tiền và yêu cầu kiểm tra người nhưng người khách này không thừa nhận lấy túi tiền và không đồng ý cho kiểm tra. Tuy nhiên, khi có chị P và chị T7 đến thì người khách nữ này bất ngờ để 01 cái bóp trong người ra mà nghe chị T7 nói là hơn 27.000.000 đồng và số tiền trong túi quần bên của người này là 10.020.000 đồng nên chị trình báo công an làm việc.

Nay chị yêu cầu được nhận lại 30.000.000 đồng bị mất và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T4 cho biết: do chị và chị P thường đến tiệm của chị T3 nên sáng ngày 17-3-2017, chị có gửi chị T3 30.000.000 đồng tiền hụi mà chị P đã hốt hụi và nhờ chị T3 gửi lại số tiền này cho chị P (số tiền này được chị phân thành 03 cọc, mỗi cọc 10.000.000; trong đó, 01 cọc gồm 100 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 cọc gồm 20 tờ mệnh giá 500.000 đồng và cọc còn lại gồm các loại mệnh giá từ 50.000 – 500.000 đồng nhưng không nhớ số lượng của từng loại). Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, chị T5 gọi điện thoại báo số tiền chị gửi chị T3 đã mất nên chị đến công an thị trấn B làm việc.

Do chị và chị T3 là chỗ quen biết nên chị không có yêu cầu gì về số tiền đã gửi cho chị T3 nhưng tại phiên tòa, chị T4 yêu cầu chị T3 phải trả số tiền 30.000.000 đồng cho chị.

Người làm chứng, chị Giang Thị Hồng T6 trình bày: chị học nghề tóc tại tiệm của chị T3; vào ngày 17-3-2017 khi chị đến tiệm của chị T3 được khoảng 05 phút thì V1 (người gần tiệm của chị T3) sang chơi với chị, đến khoảng 09 giờ 50 phút, chị T3 đi chợ về và để cọc tiền trong túi màu trắng lên bàn và trêu chọc, nói đùa với chị và chị V1; khoảng 10 giờ 30 phút, có người phụ nữ tầm 40 tuổi mặc đồ bộ có nhiều bông hoa, áo sơmi dài tay màu đỏ vào tiệm làm tóc. Khi đó, V1 ra về và chị vẫn còn thấy túi tiền ở vị trí cũ.

Do có khách nên chị nhường ghế cho khách và đứng ra sau để học cách chị T3 cắt tóc. Khi cắt tóc cho khách xong thì có người phụ nữ khoảng 35 tuổi đến tính tiền đồ cưới và gội đầu; trong khi đó, chị pha thuốc, thoa lên tóc và có nói sau 40 phút mới sã tóc. Người phụ nữ than đau bụng và hỏi tiệm thuốc nên chị đã chỉ và người phụ nữ này đi ra khỏi tiệm tóc; khi người phụ nữ này đi ra, chị không để ý túi tiền của chị T3 để trên bàn có còn hay không.

Đến khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, người phụ nữ quay trở lại tiệm và chị T3 có hỏi người phụ nữ này có lấy túi tiền không và xin lại nhưng người phụ nữ nói không thấy. Sau đó có khoảng 05 người phụ nữ ở quán nước cạnh tiệm tóc đi sang và chị có nghe những người phụ nữ này và người phụ nữ làm tóc cự cãi nhau về túi tiền, tiếp đến, chị thấy công an thị trấn B mời tất cả về làm việc.

Chị xác định không chứng kiến việc kiểm tra tiền của người phụ nữ mặc áo đỏ đến làm tóc.

Người làm chứng, chị Bùi Thị T5 khai: vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 17-3-2017, khi chị ngồi uống nước tại quán gần tiệm tóc của chị T3, chị nghe chị T3 la mất trộm nên chị có qua tiệm của chị T3 xem, chị có nói thấy người phụ nữ từ tiệm tóc của chị T3 đi ra chợ và quay lại ngồi tại ghế đá; nghe vậy, T3 có chất vấn người phụ nữ này và yêu cầu được xét người. Hai bên có cự cãi qua lại, người phụ nữ tự lấy trong người ra một cọc tiền buộc bằng dây thun, một cái bóp nhỏ khóa lại bằng kim tây và nói số tiền này do mới vay ngân hàng có giấy tờ đàng hoàng. Chị có kiểm đếm số tiền trên người phụ nữ này tổng cộng 36.020.000 đồng. Chị tách lấy lại số tiền 30.000.000 đồng mà T3 bị mất và nói xem như không có chuyện gì xảy ra nhưng người phụ nữ này không đồng ý nên đã báo công an. Sự việc sau này thế nào thì chị không rõ.

Người làm chứng Nguyễn Hồ Thanh V1 cho biết: khoảng 09 giờ 30 phút ngày 17-3-2017, chị sang tiệm uốn tóc của chị T3 chơi thì chị thấy chị T3 để cọc tiền trong túi nylon màu trắng trên bàn uốn tóc, chị không rõ bao nhiêu tiền nhưng chị đoán có nhiều loại mệnh giá khác nhau vì cọc tiền có nhiều màu xen kẽ và chị

thấy có tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Chị còn cho biết, khi chị ra về thì túi nylon đựng tiền vẫn còn trên bàn uốn tóc.

Người làm chứng, chị Trình Thị Kim P cho biết: khoảng 09 giờ ngày 17-3-2017, chị T4 có gọi điện dặn chị gặp T5 nhận 30.000.000 đồng tiền hụi. Sau đó, chị T5 có gọi điện thoại kêu chị lên Ba Chúc nhận tiền, nhưng do chị không lên kịp nên không gặp chị T5, chị có ghé qua tiệm của chị T3 và qua ngồi quán đối diện uống nước. Khi chị trở lại tiệm của chị T3 thì chị lấy tiền và người phụ nữ trước nhà và người phụ nữ này khẳng định số tiền có được là do vay ngân hàng. Sau đó, công an mời người phụ nữ này về làm việc.

Người làm chứng, chị Lưu Thị Cẩm T5 trình bày: khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17-3-2017, chị có điều khiển xe đến tiệm uốn tóc của chị T3, tại đây, chị thấy cọc tiền để trong túi nylon màu trắng đặt trên bàn đá và chị T3 có nói đây là tiền hụi 30.000.000 đông mà chị T4 nhờ chị gửi lại cho chị P; chị có kiểm đếm lại đủ 30.000.000 đồng và để vào cốp xe giữ giùm chị P, sau đó, chị điều khiển xe đi mua một số vật dụng. Chị có điện thoại gọi chị P đến thị trấn B để giao tiền nhưng do khi chị quay xe lại tiệm tóc của chị T3 thì chị P chưa có mặt nên chị gửi lại số tiền này cho chị T3 và ra về.

Người làm chứng, anh Phan Thanh Tuấn T7 cho biết: anh là Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện G, tỉnh Kiên Giang; vào ngày 16-3-2017 chị Phạm Thị H có vay và đã lĩnh 30.000.000 đồng tiền vay gồm 60 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Người làm chứng, bà Lê Thị T1 là mẹ ruột của Phạm Thị H cho biết: ngoài 07 công đất ruộng đã cầm cố cho người khác để lo bệnh chồng, số tiền 30.000.000 đồng vay của ngân hàng chính sách, 01 xe môtô wave cũ, 01 xe môtô hiệu max cũ và 01 chiếc xuồng thì H không còn tài sản nào giá trị. Tại phiên tòa, bà xác định số tiền 20.000.000 đồng là số tiền của bà đưa cho H1 để giao nộp công an.

Người làm chứng, em Hồ Minh H1 trình bày: khoảng 14 ngày 18-3-2017, em H1 cùng mọi người tìm trong nhà thì tìm thấy 20.000.000 đồng (40 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) để trong tủ quần áo đặt tại buồng ngủ của bị cáo Phạm Thị H, khi tìm được tiền, em đã đến công an thị trấn B giao nộp. Em H1 còn cho biết thêm, vào chiều ngày 16-3-2017, bị cáo Phạm Thị H đã vay số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, em H1 lại xác định số tiền 20.000.000 đồng đã giao nộp là số tiền của bà T1.

Người làm chứng, Phạm Thị T8 xác nhận vào khoảng 14 giờ ngày 18-3-2017, chị đã tìm gặp số tiền 20.000.000 đồng (đều là tiền mệnh giá 500.000 đồng) được nhét trong chiếc giày mà xanh trắng để trong tủ quần áo đặt trong buồng ngủ của bị cáo H. Sau đó, mẹ ruột của chị là bà T1 kêu H1 đem số tiền tìm được giao nộp công an. Tại phiên tòa, chị T8 cho rằng: chị khai như trên là do em Hồ Minh

H1 nói phải khai như vậy chứ số tiền 20.000.000 đồng giao nộp cho công an là tiền của bà T1 đưa cho em Hồ Minh H1 mà không phải chị tìm gặp trong nhà của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; ngoài ra, lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17-3-2017 tại tiệm uốn tóc của chị Trần Ngọc T3 thuộc khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, bị cáo Phạm Thị H đã có hành vi lén lút lấy trộm 30.000.000 đồng của chị Trần Ngọc T3, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng chỉ vì mục đích muốn có tiền, bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 30.000.000 đồng của chị Trần Ngọc T3; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây sự bất bình trong quần chúng, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự của xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa tuy ban đầu bị cáo không nhận tội nhưng sau đó đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và thể hiện sự ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo là cháu ngoại của người có công trong kháng chiến chống Mỹ nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về vật chứng vụ án:

Trong số tiền 57.117.000 đồng, đã xác định được 30.000.000 đồng do bị cáo trộm của chị Trần Ngọc T3 nên Hội đồng xét xử quyết định trả số tiền này cho chị T3.

Đối với số tiền còn lại 27.117.000 đồng, tuy tại phiên tòa bà Lê Thị T1, chị Phạm Thị T8 và em Hồ Minh H1 đều xác định số tiền 20.000.000 đồng đã giao nộp tại công an là của bà Lê Thị T1 nhưng bà T1, chị T8 và em H1 không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền 20.000.000 đã giao nộp thuộc quyền sở hữu của bà T1, ngoài ra, lời trình bày của bà T1, chị T8 và em H1 tại giai đoạn điều tra đều xác định số tiền 20.000.000 đồng mà em H1 giao nộp là tài sản hợp pháp của bị cáo, do đó đã đủ cơ sở để xác định số tiền 20.000.000 đồng nêu trên

thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo và do số tiền 27.117.000 đồng không liên quan đến tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

Các tài sản khác của bị cáo còn gồm: 01 điện thoại di động hiệu Bavapen Model B404; 01 tờ tiền Vương quốc Campuchia mệnh giá 1.000 Ria. Xét đây là các tài sản hợp pháp của bị cáo và bị cáo có yêu cầu được nhận lại nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

Đối với các vật chứng còn lại gồm: 02 tờ vé số đài An giang số 555237 ngày 16/3/2017 (đã có kết quả không trúng); 01 tờ vé số đài Long An số 406342 ngày 10/9/2016 (đã có kết quả không trúng); 01 bóp da màu trắng, viền màu hồng, xanh, dây khóa bóp bị hư, gài bằng kim tây; 07 sợi dây thun màu vàng; 01 chìa khóa bằng inox màu trắng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về nghĩa vụ dân sự:

Chị Trần Ngọc T3 không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cặp xem xét.

Chị Nguyễn Thị T4 có yêu cầu chị Trần Ngọc T3 trả lại số tiền 30.000.000 đồng đã gửi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp dân sự giữa chị T4 và chị T3, không liên quan đến vụ án nên chị T4 và chị T3 có quyền thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định.

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h và điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17-3-2017.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Giao trả cho chị Trần Ngọc T3 số tiền 30.000.000 đồng.

Giao trả cho bị cáo Phạm Thị H số tiền 27.117.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Bavapen Model B404; 01 tờ tiền Vương quốc Campuchia mệnh giá 1.000 Ria.

Tịch thu tiêu hủy: 02 tờ vé số đài An giang số 555237 ngày 16/3/2017 (đã có kết quả không trúng); 01 tờ vé số đài Long An số 406342 ngày 10/9/2016 (đã có

kết quả không trúng); 01 bóp da màu trắng, viền màu hồng, xanh, dây khóa bóp bị hư, gài bằng kim tây; 07 sợi dây thun màu vàng; 01 chìa khóa bằng inox màu trắng.

(Tiền và vật chứng hiệu do Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý theo Ủy nhiệm chi ngày 25-5-2017 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-5-2017 của Công an huyện T).

Áp dụng Điều 99, Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng hồ sơ-Công an tỉnh An Giang;
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng